

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1552/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ Tú

Ông Nguyễn Thành Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3921/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 9459/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Minh T**, sinh năm: 1969 (đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: **6 L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- *Bị đơn:* Ông **Nagabuchi K**, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Quốc tịch: Nhật Bản.

Địa chỉ: **Japan.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà **Lê Thị Minh T**:

Bà và ông **Nagabuchi K**, sinh năm 1968 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ đăng ký kết hôn số 38 ngày 15 tháng 7 năm 2013.

Sau khi kết hôn, ông **Nagabuchi K** trở về Nhật Bản sinh sống và làm việc. Từ khi trở về Nhật Bản cho đến nay, thời gian đầu ông **Nagabuchi K** thỉnh thoảng vẫn liên lạc nhưng về sau thì không còn liên lạc. Bà và ông **Nagabuchi K**

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ và quan điểm sống, thời gian xa cách kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng của mình lại không có khả năng đoàn tụ gia đình. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Nagabuchi K.**

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì ông **Nagabuchi K** đang cư trú tại Nhật Bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà **Lê Thị Minh T** và ông **Nagabuchi K** đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà **Lê Thị Minh T**, cho bà **T** được ly hôn với ông **Nagabuchi K**. Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà **Lê Thị Minh T** đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông **Nagabuchi K** hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà **Lê Thị Minh T** tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 19/8/2020, lần thứ hai vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 21/9/2020 nhưng bà **T** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với ông **Nagabuchi K**, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 808/UTTPDS-TA30 ngày 25/10/2019 cho ông **N** Koji theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/6/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Công văn số 1154/BTP-PLQT ngày 19/5/2020 của Bộ Tư pháp về việc thông báo kết quả việc ủy thác tư pháp đối với bị đơn ông **Nagabuchi K**. Theo đó, tại

văn bản số No.J.F.337/2020 ngày 07/5/2020 của Đại sứ quán N1 tại Việt Nam thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo công văn số 808/TTTPDS-TA30 ngày 25/10/2019 là tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự. Ông Nagabuchi K có văn bản trả lời gửi đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung ly hôn với bà Lê Thị Minh T ký ngày 28/02/2020 nhưng văn bản này chưa đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Đến nay, Tòa án không nhận được thêm lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Nagabuchi K. Đến ngày mở phiên tòa ông Nagabuchi K không có mặt.

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Minh T có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thị Minh T và ông Nagabuchi K thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Nagabuchi K là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T trình bày, sau khi kết hôn ông Nagabuchi K trở về Nhật Bản sinh sống và làm việc. Từ khi trở về Nhật Bản đến hiện nay, giữa bà T và ông Nagabuchi K không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng, giải quyết mâu thuẫn. Vì thời gian xa cách kéo dài, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về phía ông Nagabuchi K, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho ông theo đúng thủ tục luật định và ông cũng có văn bản trả lời là đồng ý việc ly hôn với bà T.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà T và ông Nagabuchi K mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với ông Nagabuchi K như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Án phí, chi phí tố tụng khác: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Minh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về phí ủy thác tư pháp và các chi phí khác bà Lê Thị Minh T chịu theo quy định pháp luật

[5] Về quyền kháng cáo: Bà **Lê Thị Minh T** và ông **Nagabuchi K** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà **Lê Thị Minh T**.

Quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị Minh T** được ly hôn với ông **Nagabuchi K**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 02 năm 2019 cho bà **Lê Thị Minh T** và ông **Nagabuchi K** không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Lê Thị Minh T** chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) được cân trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0025901 ngày 14/6/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Lê Thị Minh T** đã đóng đủ.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà **Lê Thị Minh T** nhận tổng đạt hợp lệ bản án. Đối với ông **Nagabuchi K** thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (Linh/20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Trang